

đồng/chân/01 lần thu hụi và từ ngày 30/5/2020 đến 15/9/2020 ông đã đóng được 08 kỳ với số tiền là 21.280.000 đồng. Tuy nhiên, từ kỳ thu ngày 30/9/2020 trở đi thì số tiền thực tế phải đóng cho mỗi chân hụi là 400.000 đồng/01 lần thu hụi, cho nên từ 30/9/2020 đến 30/5/2021 ông đã đóng được 17 kỳ với số tiền là 47.600.000 đồng. Vào kỳ thu hụi ngày 15/6/2021 ông đã hốt được 3 chân là 41.550.000 đồng nhưng vẫn phải đóng 04 chân hụi sống là 1.600.000 đồng nên thực nhận là 39.950.000 đồng. Đến kỳ thu hụi ngày 30/6/2021 ông đã đóng cho bà H2 3.100.000 đồng (gồm 03 chân hụi chết và 4 chân hụi sống). Như vậy, tổng số tiền ông đã đóng cho bà H2 đối với dây hụi mở ngày 30/5/2020, từ ngày 30/5/2020 đến ngày 30/6/2021 là 71.980.000 đồng.

+ Thứ hai, dây hụi mở vào ngày 10/01/2021 (gọi là hụi lương), ông tham gia 01 chân, giá là 2.000.000 đồng/chân/tháng, hụi thu 1 tháng 1 lần vào ngày 10 dương lịch hàng tháng; thực tế số tiền phải đóng cho mỗi chân hụi sống là 1.400.000 đồng. Từ ngày 10/01/2021 đến ngày 10/5/2021 ông đã đóng được 04 kỳ với số tiền là 5.600.000 đồng; từ kỳ đóng hụi ngày 10/6/2021 số tiền thực tế trên mỗi chân tăng là 1.500.000 đồng và đóng được 2 kỳ thì ngưng. Tổng số tiền thực tế ông đã đóng cho dây hụi mở ngày 10/01/2021 đến 10/7/2021 là: 5.600.000 đồng + 3.000.000 đồng = 8.600.000 đồng.

+ Thứ ba, dây hụi mở vào ngày 10/3/2021 (cũng gọi là hụi lương), ông tham gia 3 chân, mỗi chân 1.000.000 đồng, thu 1 tháng 1 lần cũng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng. Số tiền thực tế phải đóng cho mỗi chân là 750.000 đồng. Từ ngày 10/3/2021 đến 10/6/2021, ông đã đóng tiền cho bà H2 3 chân hụi này là 9.000.000 đồng.

Đến ngày 12/11/2021 ông và bà Hoa cùng nhau tính toán chốt lại số tiền bà H2 còn nợ của cả 3 dây hụi là 55.700.000 đồng. Ngày 21/12/2021 bà H2 trả bớt 8.000.000 đồng và ngày 19/01/2022 bà H2 trả thêm 2.000.000 đồng. Như vậy, hiện nay bà H2 còn nợ ông số tiền là 45.700.000 đồng.

Việc chơi hụi có sổ theo dõi cá nhân của ông và sổ theo dõi chung của bà H2. Sau khi chốt số nợ bà H2 trực tiếp ghi vào sổ của ông số tiền 55.700.000 đồng.

Để đảm bảo cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông H1 khởi kiện yêu cầu bà H2 phải trả số tiền là 45.700.000 đồng; không yêu cầu tính lãi suất kể cả trong giai đoạn thi hành án.

** Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Lê Thị Mai H2 trình bày:*

Quá trình chơi hụi như ông H1 xác định là đúng. Bà xác nhận số tiền hiện nay còn nợ ông H1 là 45.700.000 đồng. Bà đồng ý trả cho ông H1 số tiền còn nợ, tuy nhiên bà đề nghị không ghi nhận nghĩa vụ trả nợ cho chồng bà là ông Trần Văn Q vì lý do sức khỏe nên ông Q không giúp đỡ gì cho bà trong việc tổ chức dây hụi.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H3 là vợ của ông Phạm H1 thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông H1.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* về quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật, quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật. Bà H2 thừa nhận số tiền còn nợ ông H1, bà H3 là 45.700.000 đồng. Ông H1 chỉ yêu cầu một mình bà H2 trả nợ và bà H2 cũng đề nghị không đưa chồng bà cùng trả nợ. Do đó, đề nghị áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự (BLDS), buộc bà H2 trả số tiền nợ gốc 45.700.000 đồng cho ông H1, bà H3; Về án phí: theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: ông Phạm H1 có đơn khởi kiện đối với bà Lê Thị Mai H2 yêu cầu trả tiền nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là hợp đồng vay tài sản (hụi)” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó ông H1 là nguyên đơn, bà H2 là bị đơn, bà Nguyễn Thị H3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo nguyên đơn và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện CM.

Nguyên đơn (ông H1), bị đơn (bà H2) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà H3) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn (ông H1) và bị đơn (bà H2) đều xác định ông H1 có tham gia chơi hụi do bà H2 làm chủ hụi; hai bên cũng thống nhất về quá trình đóng hụi, thu hụi và số tiền hụi mà bà H2 còn nợ ông H1 là 45.700.000 đồng; do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Về người có nghĩa vụ trả nợ: ông H1 chỉ yêu cầu bà H2 chịu trách nhiệm trả nợ và bà H2 cũng đề nghị ghi nhận nghĩa vụ trả nợ cho một mình bà. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 471 của BLDS, buộc bà H2 trả cho ông H1, bà H3 số tiền 45.700.000 đồng là phù hợp.

Về lãi suất: ông H1 không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền bà H2 phải trả, kể cả trong giai đoạn thi hành án nên HĐXX không xem xét gì thêm về lãi suất.

Về tài liệu, chứng cứ: ông H1 có cung cấp 01 quyển sổ theo dõi quá trình chơi hụi. Quyển sổ này là sổ theo dõi cá nhân, phù hợp với lời khai của các đương sự và phù hợp số tiền ông H1 yêu cầu khởi kiện nên đây là chứng cứ theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Án phí sơ thẩm trong vụ án là: 45.700.000 đồng x 5% = 2.285.000 đồng. Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, căn cứ theo quy định tại điểm đ,

khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H2 là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp án phí nên HĐXX quyết định miễn án phí cho bà H2.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên: phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của BLTTDS; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Lê Thị Mai H2 phải trả cho ông Phạm H1 và bà Nguyễn Thị H3 số tiền 45.700.000 (Bốn mươi lăm triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Bà Lê Thị Mai H2 không phải chịu lãi suất, kể cả trong giai đoạn thi hành án.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị Mai H2.

Hoàn trả cho ông Phạm H1 1.142.000 (Một triệu một trăm bốn mươi hai nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà ông H1 đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001073 ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Hà Thế Nam